

MÃY SUY NGHĨ VỀ NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ TIẾP CẬN THEO HƯỚNG LIÊN NGÀNH VÀ KHU VỰC HỌC

ĐỖ DANH HUÂN*

Nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam từ trước đến nay, chủ yếu tiếp cận dựa trên các khoa học chuyên ngành, như: lịch sử, văn hóa học, dân tộc học, xã hội học, luật học, kinh tế học... Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn đã xuất hiện nhiều lý thuyết, nhiều phương pháp tiếp cận mới, trong đó có tiếp cận theo hướng liên ngành và khu vực học. Chính vì vậy, việc vận dụng hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học vào nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung và nghiên cứu làng xã ở Việt Nam nói riêng đòi hỏi nhiều cố gắng của mỗi nhà nghiên cứu cũng như nhóm nghiên cứu. Bài viết bước đầu đưa ra nhận thức về tiếp cận liên ngành và khu vực học trong nghiên cứu làng xã ở Việt Nam, qua đó làm cơ sở lý thuyết trả lời câu hỏi nghiên cứu: Tiếp cận làng xã Việt Nam theo hướng liên ngành và khu vực học – khó khăn và triển vọng.

Từ khóa: liên ngành, khu vực học, làng xã, phương pháp nghiên cứu

Nhận bài ngày: 12/4/2020; *đưa vào biên tập:* 26/5/2020; *phản biện:* 12/6/2020; *duyet đăng:* 24/9/2020

1. DẪN NHẬP

Nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam (đặc biệt là làng xã vùng châu thổ Bắc Bộ) đã đạt được nhiều thành tựu với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thuộc chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn và cả khoa học tự nhiên. Có thể kể đến một số công trình như: *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (Pierre Gourou, 1936); *Nền kinh tế công xã Việt Nam* (Vũ Quốc Thúc, 1950); *Xã thôn Việt Nam* (Nguyễn Hồng Phong, 1958)...

Nông thôn Việt Nam trong lịch sử, tập I, II (Viện Sử học, 1977, 1978); *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ* (Trần Từ, 1984); *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII - XIX* (Nguyễn Quang Ngọc, 1993); *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội* (Phan Đại Doãn, 2001); *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa* (Dương Bá Phượng, 2001); *Làng Việt đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ* (John Kleinen, 2007); *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ* (Vũ Duy Mên, 2010); *Hiện đại hóa làng nghề theo chiến lược tăng trưởng xanh*

* Viện Sử học.

trường hợp vùng Đồng bằng sông Hồng (Nguyễn Xuân Dũng, 2016)...

Trong đó, một số nghiên cứu về làng xã ở vùng châu thổ Bắc Bộ gần đây theo khuynh hướng đa ngành và liên ngành, xem làng xã như một khu vực, một không gian văn hóa, xã hội, lịch sử, một không gian phát triển, như: *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ* (Philippe Papin, Oliver Tessier, 2002); *Mông Phụ - Một làng ở đồng bằng sông Hồng* (Nguyễn Tùng, 2003); *Địa chí Cổ Loa* (Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, 2007). Đặc biệt, trong số này phải kể tới Chương trình nghiên cứu làng Bách Cốc tại huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định do các nhà khoa học Nhật Bản chủ trì, Chương trình đã tổ chức tổng kết 20 năm nghiên cứu vào năm 2013 và hiện tại vẫn còn triển khai. Nghiên cứu này được thực hiện bài bản, nhưng kết quả nghiên cứu vẫn chưa được xuất bản để công bố rộng rãi. Tuy nhiên, nhìn chung thành tựu của hướng nghiên cứu này còn khá khiêm tốn.

Làng xã ở Việt Nam là một thực thể phức hợp, bao gồm nhiều thành tố: kinh tế, văn hóa, xã hội, không gian, cảnh quan và môi trường... với nhiều thiết chế: phường hội nghề nghiệp, hội tư văn, các liên kết theo địa vực, lứa tuổi, giới tính... Do đó, làng xã là đối tượng nghiên cứu của nhiều chuyên ngành khoa học lịch sử, văn hóa học, kinh tế học, xã hội học, nhân học, luật học, chính trị học, tâm lý học... Giáo sư Hà Văn Tấn (2007: 42-

43) khi đặt vấn đề nghiên cứu làng xã ở Việt Nam đã cho biết: "Làng được coi như một hệ thống riêng gồm những yếu tố hợp thành. Tùy theo đối tượng nghiên cứu của mình mà người nghiên cứu chọn lựa các yếu tố hợp thành khác nhau của hệ thống. Chẳng hạn có thể nghiên cứu làng như hệ thống xã hội gồm các nhóm xã hội, các đẳng cấp, các nhóm tuổi... hay nghiên cứu làng như một hệ thống kinh tế gồm các nhóm, các ngành hoạt động sản xuất nghề nghiệp... hoặc là như một hệ thống kinh tế - xã hội mà các yếu tố hợp thành chằng chéo, phức tạp hơn. Bản thân các yếu tố của hệ thống làng lại cũng có thể coi là hệ thống con để nghiên cứu riêng biệt như gia đình, dòng họ, phe giáp... Điểm chủ yếu mà người nghiên cứu hướng tới là vạch ra mối liên hệ tương tác giữa các yếu tố bên trong của hệ thống, nêu lên cơ chế vận hành của cấu trúc".

Thời gian gần đây, dưới tác động của quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, mà đặc biệt là quá trình đô thị hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, nên làng xã đang diễn ra những vận động, chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều phương diện. Từ đó, yêu cầu đặt ra cho các nghiên cứu về làng xã là cần nhận thức tổng hợp, nhiều chiều cạnh về làng xã để góp phần khơi dậy, phát huy lợi thế vốn có, thanh lọc những bất cập, tham gia tư vấn chính sách và định hướng phát triển nông thôn... Điều này đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải vận dụng những

kỹ năng và phương pháp tiếp cận mới. Hiện nay, ở Việt Nam, khuynh hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học đang bắt đầu được áp dụng và hứa hẹn sẽ mang tới những nhận thức tổng hợp, nhiều chiều và toàn diện trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung và làng xã nói riêng. Tuy nhiên, việc vận dụng những phương pháp và lý thuyết mới áp dụng vào nghiên cứu làng xã, đặc biệt là hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học có những khó khăn và thuận lợi gì? Triển vọng của phương pháp này khi áp dụng cho nghiên cứu làng xã ra sao? Bài viết dựa trên nhận thức về làng xã ở vùng châu thổ Bắc Bộ, bước đầu tìm hiểu về những vấn đề trên.

2. NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH VÀ KHU VỰC HỌC

2.1. Nhận thức về hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học trong nghiên cứu

Những năm gần đây, khi triển khai nghiên cứu hay tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam thường đề cập tới thuật ngữ *liên ngành và khu vực học*, mặc dù đôi khi việc vận dụng như thế nào và đến mức độ nào các hướng tiếp cận còn chưa được làm rõ. Một điều đáng nói nữa là, mặc dù xuất hiện một “khuynh hướng”, một “xu thế” hướng tới tiếp cận liên ngành và khu vực học, song chúng ta vẫn chưa có một công trình chuyên khảo nào đầy đủ để trang bị

những nhận thức rõ ràng và cụ thể về các hướng nghiên cứu này. Tổng hợp từ một số nguồn tài liệu, chúng tôi bước đầu dẫn ra một số quan điểm về nghiên cứu liên ngành và khu vực học như sau.

Liên ngành: Tại hội thảo *Khu vực học: Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu*, quan điểm liên ngành được nêu lên như sau: “Liên ngành là một loại hình hợp tác học thuật, trong đó các nhà chuyên môn được lấy từ hai hay nhiều chuyên ngành khác nhau cùng làm việc với nhau để cùng đạt đến những mục tiêu chung trong nhận thức đối tượng nghiên cứu” (Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, 2006: 2).

Theo Nguyễn Quang Ngọc (2018: 254): “Nghiên cứu liên ngành một cách chính quy, bài bản đòi hỏi phải sử dụng đồng thời, tổng thể và hiệu quả của nhiều phương pháp đặc thù cho một đối tượng nghiên cứu và đem đến một nhận thức khoa học chung. Ở đây, các phương pháp nghiên cứu phải được đặt ngang nhau, không thiên kiến, không phân biệt chính phụ”.

Tác giả Trần Lê Bảo (2009: 22) đã viết: “Liên ngành không chỉ là sự liên kết giữa các chuyên gia từ các ngành khác nhau, mà có khi còn là việc sử dụng đồng thời ít nhất hai phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trở lên. Các phương pháp này tồn tại trên nguyên tắc là phải có quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ lẫn nhau và bình đẳng với nhau về vai trò và nhiệm vụ trong nhận thức đối tượng nghiên cứu”.

Tại hội thảo Quốc tế: *Nghiên cứu Liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn*, tác giả Trần Thúc Việt (2009: 229) cũng nêu: “Nghiên cứu liên ngành là sự tổng hợp tri thức của nhiều lĩnh vực và nhiều ngành học, là quá trình liên kết, thiết lập các mối quan hệ qua lại, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa những phương pháp và quy trình của nhiều chuyên gia khác nhau. Do vậy, nghiên cứu liên ngành rất khác với tiếp cận chuyên ngành là sử dụng các phương pháp và quy trình của nhiều chuyên ngành một cách riêng biệt, độc lập”.

Khu vực học: Nguyễn Quang Ngọc (2008: 6) cho rằng: “Khu vực học lấy không gian văn hóa - xã hội bao gồm các lĩnh vực hoạt động của con người và quan hệ tương tác giữa con người và điều kiện tự nhiên làm đối tượng nghiên cứu. Mục đích của khu vực học là đạt tới những nhận thức tổng hợp về một không gian, tìm ra những đặc điểm của tự nhiên và đời sống con người trong không gian đó”.

Tiếp cận đối tượng nghiên cứu theo quan điểm khu vực học, Nguyễn Thị Việt Thanh (2008: 220) khi triển khai các nghiên cứu về ngôn ngữ đã viết: “Với tư cách là một ngành khoa học mang tính liên ngành điển hình, khu vực học chọn một vùng lãnh thổ làm đối tượng nghiên cứu từ nhiều góc độ: kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, địa lý, lịch sử trong mối quan hệ tương hỗ, tác động lẫn nhau. Ngôn ngữ với tư cách là phương diện giao tiếp, là một bộ phận cấu thành không thể thiếu

của mọi cộng đồng dân cư, do vậy cũng trở thành một đối tượng không thể thiếu trong nghiên cứu khu vực học”.

David L. Szanton thì cho rằng: “Nghiên cứu khu vực nên được hiểu là khái niệm chỉ một nhóm gồm nhiều lĩnh vực và hoạt động học thuật có những đặc điểm chung sau: Nghiên cứu sâu về ngôn ngữ; Nghiên cứu thực địa (điền dã) sâu sắc bằng tiếng địa phương; Nghiên cứu kỹ lịch sử, các quan điểm, tư liệu và những lý giải của địa phương; Kiểm tra, thảo luận, phê bình, hay phát triển các lý thuyết cơ sở dựa trên những quan sát cụ thể; Có những thảo luận đa ngành liên quan đến nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn” (dẫn theo Trịnh Cẩm Lan, 2007: 47).

Xem đối tượng như một khu vực hoàn chỉnh, ở đó có sự tương tác qua lại giữa con người với điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và môi trường xã hội, nên mục đích cuối cùng của khu vực học là nhận thức tổng hợp về khu vực đó và nhìn khu vực đó như một không gian phát triển, một không gian luôn vận động. “Nếu như trước đây, khu vực học đặt mục tiêu là đưa lại nhận thức tổng quát về một không gian lịch sử - văn hóa nào đó thì khu vực học hiện đại hướng tới mục tiêu hàng đầu là ứng dụng những nhận thức tổng quát đó vào việc giải quyết hàng loạt các vấn đề có độ phức hợp cao đang đặt ra trong thực tiễn phát triển bền vững của các khu vực. *Khu vực giờ đây không còn chỉ là một*

không gian lịch sử - văn hóa mà còn là, và trước hết là một không gian phát triển. Vì vậy, khu vực học phải hướng tới đích cuối cùng là đánh giá các nguồn lực, tiềm năng, cơ hội phát triển của không gian xác định nào đó” (Phạm Hồng Tung, 2017: 108-109). Khi tiếp cận đối tượng như một khu vực, một không gian, Giáo sư Yumio Sakurai (2014: 315) cũng cho rằng: “Mục đích khu vực học là để hiểu toàn bộ khu vực”.

Qua những quan điểm trên, chúng ta có thể hiểu khái quát liên ngành và khu vực học là sự kết hợp của nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau, cùng tiếp cận một đối tượng nghiên cứu, qua đó mang lại sự nhận thức đầy đủ, đa chiều về đối tượng.

2.2. Nghiên cứu làng xã theo hướng liên ngành và khu vực học - khó khăn và triển vọng

Nhìn lại các công trình nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam, chúng ta thấy đa phần các công trình được thực hiện bởi một nhà nghiên cứu độc lập (chỉ một số ít công trình được triển khai theo nhóm) nên hướng tiếp cận và kết quả nghiên cứu đều dựa trên lợi thế của kiến thức chuyên ngành và có kinh nghiệm nghiên cứu về chủ đề (hoặc một phần nào đó mang tính đa ngành). Chẳng hạn, về nghiên cứu làng xã, ngành sử học có *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ* (Nguyễn Hải Kế, 1996); *Tìm lại làng Việt xưa* (Vũ Duy Mên, 2006); *Một số vấn đề làng xã Việt Nam* (Nguyễn Quang Ngọc, 2009)...; Ngành Xã hội

học có: *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay* (Tô Duy Hợp, 2003); Ngành Văn hóa học có: *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay* (Nguyễn Thị Phương Châm, 2009); Ngành Hán Nôm có: *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã* (Phạm Thị Thùy Vinh, 2003); Ngành Kinh tế học có: *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (Trần Minh Yển, 2004)... Hơn nữa, vào thời gian các công trình nêu trên triển khai nghiên cứu, thì việc áp dụng hay sự có mặt của khuynh hướng tiếp cận làng xã theo hướng liên ngành và khu vực học còn có phần xa lạ đối với các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, hoặc bước đầu mới được nhắc tới ở ngành này, nhưng chưa được nhắc tới ở ngành kia. Do vậy, khuynh hướng chủ đạo vẫn là tiếp cận đối tượng (làng xã) bằng lợi thế của các phương pháp chuyên ngành.

Trong khi đó, yêu cầu và mục đích của liên ngành và khu vực học là có sự kết hợp của ít nhất hai chuyên ngành trở lên và xem đối tượng nghiên cứu như một không gian, một chỉnh thể để kết quả cuối cùng là cơ sở dữ liệu phải bao quát và nhận thức tổng hợp về không gian đó. Khi tiếp cận làng xã bằng khoa học chuyên ngành, thì các kết quả nghiên cứu chỉ phản ánh được một chiều cạnh, hoặc một giai đoạn của đời sống làng xã (hoặc là kinh tế, hoặc là văn hóa, hoặc là tôn giáo, tín ngưỡng của làng xã), mà chưa đi đến nhận thức tổng hợp

về đối tượng nghiên cứu, chưa bao quát, xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại.

Nếu là một nhà kinh tế học khi nghiên cứu làng xã, họ sẽ vận dụng các lý thuyết và phương pháp của kinh tế học, do đó, kết quả của công trình sẽ thiên về những chiều cạnh kinh tế hay đời sống kinh tế ở làng, còn lại, chiều cạnh lịch sử hay văn hóa, xã hội vẫn cần được bổ khuyết. Khi nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp ở Bách Cốc (Cốc Thành, Vụ Bản, Nam Định), Abe Ken-ichi đã đứng trên góc nhìn của nhà kinh tế học mà phân tích, lý giải hoạt động kinh tế nông nghiệp của cư dân nơi đây, trong đó, bức tranh kinh tế nông nghiệp được chia thành kinh tế nông nghiệp ở ngoài đồng (cày cấy, làm cỏ, gặt hái...) và kinh tế nông nghiệp trong làng – tác giả gọi là nông nghiệp bóng (Shadow Agriculture), gồm: vườn, ao, chuồng. Theo Abe Ken-ichi (2006: 112): “Người ta thực hiện rất nhiều các hoạt động lật vật không tên ở trong làng. Ví dụ như, bà xắt thân chuối trong vườn, chuẩn bị cho lợn ăn. Cháu thì bắt cua cá trong ao để chuẩn bị bữa tối. Còn mẹ thì dầm nước đến ngang thắt lưng mò ốc làm cái ăn. Mẹ còn vợ bèo làm thức ăn cho lợn gà. Từ ngoài đồng về, người này cắt cỏ bên vệ đường mang về ném xuống ao cho cá ăn. Người khác thì chặt bờ rào bờ dậu để lót chuồng lợn” là những công việc được gọi là nông nghiệp bóng.

Rõ ràng, qua cái nhìn của nhà kinh tế học thì hoạt động kinh tế bóng đã được

làm nổi bật vai trò của nó với các giá trị mà nó đem lại cho cư dân làng xã. Trong đó, không gian ao làng - một bộ phận cấu thành của nông nghiệp bóng, qua góc nhìn kinh tế đã đem lại giá trị và hỗ trợ một phần nhu cầu cuộc sống, là nguồn lợi hàng ngày của người dân trong làng. Còn qua lăng kính của nhà nghiên cứu văn hóa, nó lại chứa đựng nhiều nét của đời sống văn hóa cư dân. Ví như: các câu hò vè, ca dao liên quan tới ao làng (*Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*; hay *Một giọt máu đào, hơn ao nước lã*; *Ao cá giá bạc...*); ao làng còn là một không gian diễn xướng của các trò chơi dân gian, như: thi đua thuyền, múa rối nước trong những dịp hội hè, đình đám... Do vậy, để bổ khuyết cho nhận thức từ những chuyên ngành riêng nên tiếp cận theo hướng liên ngành để có cái nhìn bao quát hơn về đối tượng.

Đối với một nhà xã hội học, khi nghiên cứu làng xã thì kết quả thu được chủ yếu là đời sống của cư dân trong làng đang diễn ra ở thời điểm triển khai chương trình nghiên cứu đó (có thể cả kinh tế, xã hội và văn hóa), bằng các chỉ số định tính hay định lượng về mức sống, bình quân thu nhập, nhu cầu hưởng thụ các loại hình dịch vụ/văn hóa, hay mức độ chuyển đổi nghề nghiệp, mức độ hài lòng về cuộc sống hiện tại, bức tranh về lao động, việc làm và tình trạng di cư con lắc, di cư mùa vụ... kèm theo khả năng dự báo/giải pháp trong những năm tiếp theo; còn lại mảng chìm của làng xã là

lịch sử hình thành mấy trăm năm, nguồn gốc dân cư, bức tranh sở hữu ruộng đất xưa kia lưu trong địa bạ của làng, hay dấu tích lịch sử của làng biên chép qua nguồn tư liệu gia phả, văn bia chữ Hán... hầu như chưa được các nhà xã hội học bàn tới hoặc chưa khai thác triệt để.

Để khắc phục những hạn chế khi tìm hiểu về làng xã, và “bước đầu” đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra khi tiếp cận làng xã bằng khoa học chuyên ngành theo hướng liên ngành và khu vực học, nhà nghiên cứu *độc lập* (cá nhân đơn lẻ phải tự trang bị và tổng hợp lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau. Một nhà nghiên cứu trong lĩnh vực sử học, khi nghiên cứu về làng xã theo hướng liên ngành và khu vực học, cần phải trang bị kiến thức về cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học, kinh tế học, xã hội học, tôn giáo học, nhân học, ngôn ngữ học...

Một ví dụ cho thấy khi đứng trên quan điểm lịch sử để nghiên cứu về làng xã, chúng ta chưa thể lý giải đầy đủ và căn cứ lịch sử xa xưa của một làng, đó là, khi nghiên cứu về tên gọi của làng Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), Đào Duy Anh (1997: 31-32) đã giải thích tên làng Cổ Loa như sau: “Muốn tìm ý nghĩa chữ *Cổ*, chúng ta hãy so sánh tên Cổ Loa với những tên Cổ Bôn và Cổ Định, Cổ Bôn là tên một làng ở tỉnh Thanh Hóa, huyện Thiệu Hóa, vốn có tên tục là Kẻ Bôn, khi đặt tên chữ đã trở thành Cổ Bôn. Cổ Định là

một làng ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, theo tài liệu xưa [...], thì vốn tên tục là Kẻ Nưa [...], rồi đến khi đặt tên chữ cho làng thì trở thành Cổ Ninh, sau đổi làm Cổ Định. Đối chiếu chữ Cổ Loa với lai lịch chữ Cổ Bôn và Cổ Định, chúng ta có thể đoán rằng tên Cổ Loa hẳn là do tên Nôm cũ Kẻ Loa mà ra. Trong tiếng Việt Nam, có cái lệ lấy chữ *Kẻ* đặt lên trên một chữ khác để gọi tên một làng, chữ thứ hai này thường là chỉ một đặc điểm gì về địa lý hay về kinh tế của làng ấy, ví như Kẻ Chợ, Kẻ Noi, Kẻ Vẽ, Kẻ Mộc ở Bắc Bộ...”.

Tuy nhiên, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Trần Trí Dõi lại cho rằng cách giải thích tên làng Cổ Loa của Đào Duy Anh (từ *Kẻ* chuyển thành *Cổ*) là chưa thuyết phục.

Theo quy tắc biến đổi ngữ âm lịch sử của tiếng Việt và cơ chế chuyển hóa ngữ âm từ địa danh Nôm (thuần Việt) sang địa danh Hán Việt, Trần Trí Dõi (2008: 209) cho rằng: “Chúng tôi nghiêng về cách giải thích Cổ Loa là địa danh Hán Việt liên quan về ngữ âm với một địa danh Hán Việt khác là Khả Lũ. Đồng thời, cả hai địa danh Hán Việt này lại có mối liên hệ ngữ âm địa danh Nôm là Chủ. Vậy là, ở đây để tìm hiểu xuất xứ của Cổ Loa, theo chúng tôi, chúng ta sẽ tìm hiểu trong mối quan hệ/liên hệ: *Chủ - Khả Lũ - Cổ Loa*”.

Theo tư liệu dân gian làng Cổ Loa, thì vua Thục Phán An Dương Vương có tên gọi là Vua Chủ, do vậy, trong một nghiên cứu của mình, Nguyễn Từ Chi

khi tìm hiểu về Cổ Loa đã có bài viết lấy tên là “Vua Chủ”. Để có bằng chứng thuyết phục hơn tên gọi làng Cổ Loa, nhà ngôn ngữ học Trần Trí Dõi (2008: 208) đã thống kê, phân tích tên gọi của 51 đơn vị làng xã vùng châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, bao gồm cả tên Nôm và tên Hán Việt, từ đó đưa ra lập luận và giải thích về tên gọi Cổ Loa là một quá trình biến đổi ngữ âm lịch sử mà thành, đó là: “klu/khlu - lữ/loa (Khả Lữ/Cổ Loa) và kl/khl/k - khả (Khả Lữ/Cổ Loa)”; và kết luận: “Nếu nhìn thuần túy ở mặt ngữ âm lịch sử tiếng Việt, rõ ràng sự hiện diện của tên Nôm chạ *Chủ* tương ứng với tên Hán Việt *Cổ Loa* hay *Khả Lữ* cho thấy khả năng *Cổ Loa* hay *Khả Lữ* hiện nay là hệ quả của cách Hán Việt hóa địa danh *klũ* hay *tlũ* trước kia” (Trần Trí Dõi, 2008: 217).

Chúng tôi cho rằng cách tiếp cận của Trần Trí Dõi khi giải thích tên gọi Cổ Loa mang tính hệ thống và có thể thuyết phục.

Như vậy, nhà nghiên cứu *độc lập* khi tiếp cận làng xã theo hướng liên ngành và khu vực học phải cập nhật, bổ sung phương pháp tiếp cận của một số chuyên ngành liên quan. Song một nhà nghiên cứu *độc lập* khó có thể nắm bắt và tích hợp được đầy đủ phương pháp của nhiều chuyên ngành khác trong thời gian ngắn. Nhiều nghiên cứu đã tích hợp được nhưng thể hiện quan điểm của cá nhân, nên kết quả nghiên cứu vẫn mang tính chủ quan và bị chi phối bởi nhận thức đơn lẻ của nhà nghiên cứu đó.

Chúng tôi cho rằng, giải pháp hiệu quả nhất khi nghiên cứu làng xã theo hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học là tổ chức thành các nhóm nghiên cứu (Team Research/Team Working) mà ở đó có sự cộng tác, được tổ chức bởi nhiều nhà khoa học đến từ nhiều chuyên ngành khác nhau.

Giáo sư Yumio Sakurai (2014: 319) cho rằng, một chuyên gia sẽ gặp khó khăn khi tiếp cận theo hướng liên ngành và khu vực học, do vậy, sẽ hiệu quả hơn nếu tổ chức ra nhóm nghiên cứu: “Một chuyên gia không thể nghiên cứu nhiều lĩnh vực được. Nghiên cứu liên ngành khu vực học phải là nghiên cứu nhóm. Nghiên cứu liên ngành nhóm chia ra 3 loại: - Loại 1: Đa ngành (Multidiscipline) là các lĩnh vực nghiên cứu bằng phương pháp riêng đối với một khu vực. Cho nên kết quả độc lập, ít có quan hệ với các lĩnh vực khác; - Loại 2: Hợp tác ngành (Transdiscipline) là các lĩnh vực trao đổi kết quả để tương đối hóa kết quả của lĩnh vực riêng; - Loại 3: Liên ngành (Interdiscipline) là cả nhóm nghiên cứu toàn thể tổng hợp kết quả của mỗi lĩnh vực để quyết định cá tính khu vực”.

Cùng quan điểm với Yumio Sakurai, Trần Lê Bảo (2009: 23) cho rằng: “Tiếp cận liên ngành phải dựa trên những hiểu biết sâu sắc về những chuyên ngành đó, nên cách tiếp cận này chỉ thực hiện được bởi những người có trình độ cao và khó có thể thực hiện chỉ bởi một nhà nghiên cứu mà đòi hỏi phải nghiên cứu theo nhóm”.

Chương trình nghiên cứu về làng Bách Cốc - một mô hình nghiên cứu tiêu biểu xưa nay chưa từng có ở Việt Nam khi tiếp cận làng Việt theo hướng liên ngành và khu vực học. Cũng là một làng như bao làng quê khác ở châu thổ Bắc Bộ, Chương trình này đã huy động tổng lực với sự tham gia của hàng trăm nhà khoa học, đến từ nhiều chuyên ngành khác nhau: “Tuy không gian nghiên cứu chủ yếu chỉ ở một làng, nhưng số lượt các chuyên gia nghiên cứu lên tới 150 người thuộc hàng chục lĩnh vực khoa học khác nhau như địa chất, lịch sử, nông học, kinh tế học, xã hội học, khảo cổ học, nhân học, y học... và việc hội ý trao đổi thông tin qua từng ngày thu thập tư liệu luôn được duy trì...” (Vũ Minh Giang, 2009: 427). Hơn nữa, thời gian triển khai nghiên cứu không chỉ dừng ở 5 năm hay 10 năm mà thậm chí còn tiếp tục và lâu hơn nữa. Chúng tôi cho rằng, cho đến nay, chưa có chương trình nào nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam vượt qua và xô đổ những “kỷ lục” mà Chương trình Bách Cốc đã xác lập. Nói như vậy không có nghĩa là tất cả những nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam khi tiếp cận liên ngành và khu vực học phải “sao chép” hay phải triển khai như Chương trình Bách Cốc. Trong khuôn khổ hạn hẹp về lực lượng nghiên cứu và năng lực tài chính, cùng nhiều yếu tố khác, bản thân giới khoa học Việt Nam khó mà triển khai được các nghiên cứu về làng xã theo mô hình của Bách Cốc, nhưng chúng ta nên kế

thừa và học hỏi những kỹ năng, thao tác mà Chương trình này đã sử dụng, coi đây như một “hình mẫu” để hướng tới.

Khi so sánh khuynh hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học giữa một bên là nhà nghiên cứu *độc lập* được trang bị lý thuyết và phương pháp của nhiều ngành khoa học khác nhau, với một bên là *nhóm nghiên cứu* tập hợp các chuyên gia của nhiều lĩnh vực để tiếp cận đối tượng là làng xã ở Việt Nam, thì điều chắc chắn là ưu thế sẽ thuộc về nhóm nghiên cứu, chứ không phải nhà nghiên cứu độc lập. Vì nhóm nghiên cứu là những đại diện từ các chuyên ngành, với lý thuyết và phương pháp tiếp cận vững chắc cùng hợp lại giải quyết một vấn đề. Những hạn chế trong quá trình tiếp cận của bất kỳ thành viên nào trong nhóm sẽ được bổ trợ bởi các thành viên khác. Với tính chất như vậy, ranh giới hay biên độ giữa các ngành sẽ mờ đi, qua đó tính liên ngành sẽ được đẩy lên cao. Đây là lợi thế so sánh vượt trội giữa một bên là nhóm nghiên cứu và một bên là cá nhân nghiên cứu *độc lập* cùng thực hiện một nhiệm vụ khoa học, mà ở đó yêu cầu liên ngành và khu vực học đặt lên hàng đầu.

3. THAY LỜI KẾT

Nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam tiếp cận bởi khoa học chuyên ngành đã đạt được nhiều thành tựu. Mặc dù vậy, trong bối cảnh vận động và biến đổi của làng xã hiện nay, nếu chúng ta tiếp tục duy trì cách nghiên cứu truyền

thống, chủ yếu dựa vào lý thuyết đã có của khoa học chuyên ngành mà không cập nhật, áp dụng các phương pháp, lý thuyết nghiên cứu mới, các công cụ phân tích bổ trợ... từ nhiều ngành khác nhau thì sẽ không giải quyết triệt để và nhận thức đầy đủ về đối tượng nghiên cứu - làng xã. Việc áp dụng hướng nghiên cứu liên ngành và khu vực học để nghiên cứu làng xã có thể được xem là luồng gió mới, mang tới những nhận thức mới, đầy đủ và toàn diện về làng xã, đồng thời

bổ khuyết cho các nghiên cứu và nhận thức trước đây.

Để thực hiện được các nghiên cứu về làng xã theo hướng tiếp cận liên ngành và khu vực học, ngoài nghiên cứu chuyên ngành truyền thống thì hình thức tổ chức hoạt động nghiên cứu theo nhóm có ưu thế. Tuy nhiên, theo hình thức tổ chức nghiên cứu mới này đòi hỏi một quá trình tổ chức, chuẩn bị lâu dài của một tập thể các nhà khoa học và đối mặt với rất nhiều thách thức. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Abe Ken-ichi. 2006. “Nông nghiệp bóng (Shadow Agriculture): Các hoạt động nông nghiệp phi đồng ruộng ở vùng đồng bằng sông Hồng”, trong Hội Nghiên cứu làng xã Việt Nam, Nhật Bản. *Thông tin Bách Cốc* (số đặc biệt), tháng 7.
2. Dương Bá Phượng. 2001. *Bảo tồn và phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Đào Duy Anh. 1997. *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
4. Gourou Pierre. 2003. *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ* (bản dịch). TPHCM: Nxb. Trẻ.
5. Hà Văn Tấn. 2007. “Làng, liên làng và siêu làng (Mấy suy nghĩ về phương pháp)”, trong Hà Văn Tấn. *Một số vấn đề lý luận sử học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Kleinen John. 2007. *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ* (bản dịch). Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
7. Nguyễn Hải Kế. 1996. *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Nguyễn Hồng Phong. 1959. *Xã thôn Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn sử địa.
9. Nguyễn Quang Ngọc. 1993. *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*. Hà Nội: Hội Sử học Việt Nam.
10. Nguyễn Quang Ngọc. 2008. “20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành”, trong Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. *20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
11. Nguyễn Quang Ngọc. 2009. *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Quang Ngọc. 2018. *Nông thôn và Đô thị Việt Nam: Lịch sử, thực trạng và khuynh hướng biến đổi*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
13. Nguyễn Thị Phương Châm. 2009. *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay (Trường hợp làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)*.

Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa.

14. Nguyễn Thị Việt Thanh. 2008. “Nghiên cứu ngôn ngữ trong khu vực học”, trong Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. *20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

15. Nguyễn Từ Chi. 2003. “Vua Chủ”, trong Nguyễn Từ Chi: *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.

16. Nguyễn Xuân Dũng (chủ biên). 2016. *Hiện đại hóa làng nghề theo chiến lược tăng trưởng xanh: Trường hợp vùng đồng bằng sông Hồng*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

17. Phạm Hồng Tung. 2017. *Hà Nội học: Cơ sở thực tiễn, nền tảng học thuật và định hướng phát triển*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

18. Phạm Thị Thùy Vinh. 2003. *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

19. Phan Đại Doãn. 2001. *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

20. Sakurai, Yumio. 2014. “Khu vực học là gì?”, trong Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển: *25 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

21. Tô Duy Hợp (chủ biên). 2003. *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

22. Tô Duy Hợp. 1999. “Tác động của quá trình Đổi mới đối với các quan hệ xã hội cơ bản trong làng-xã đồng bằng sông Hồng”. *Tạp chí Xã hội học*, số 1.

23. Trần Lê Bảo. 2009. *Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.

24. Trần Minh YẾN. 2004. *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

25. Trần Thúc Việt. 2009. “Sử dụng phương pháp liên ngành trong nghiên cứu văn học khu vực”, trong Université du Maine, Université Angers, Université De Nantes, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), International School (Đại học Quốc gia Hà Nội): Hội thảo quốc tế: *Nghiên cứu Liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn*. Hà Nội, tháng 12.

26. Trần Trí Dõi. 2008. “Ba bài viết về địa danh Cổ Loa”, trong Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. *20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

27. Trần Từ. 1984. *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

28. Trịnh Cẩm Lan. 2007. “Ngôn ngữ như là phương tiện và đối tượng của nghiên cứu khu vực”. *Tạp chí Khoa học* (Khoa học xã hội và nhân văn), (Đại học Quốc gia Hà Nội), số 1.

29. Viện sử học. 1977. *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử (nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thống)*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

30. Viện sử học. 1978. *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử (nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thống)*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

31. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển (Đại học Quốc gia Hà Nội) - Khoa Khu vực học (Đại học Quốc gia Tokyo). 2006. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế *Khu vực học: Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu*. Hà Nội, tháng 11.
32. Vũ Duy Mền. 2006. *Tìm về làng Việt xưa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin
33. Vũ Duy Mền. 2010. *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
34. Vũ Minh Giang. 2009. “Chương trình Bách Cốc trong lịch sử nghiên cứu làng xã Việt Nam”, trong Vũ Minh Giang. *Lịch sử Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
35. Vũ Quốc Thúc. 1950. *Nền kinh tế công xã Việt Nam* (Tư liệu đánh máy lưu tại Thư viện Viện Xã hội học, ký hiệu TL1481).